

Số: 95 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 20 tháng 3 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục  
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường  
của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 20/3/2022 của Hội đồng,

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức, đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

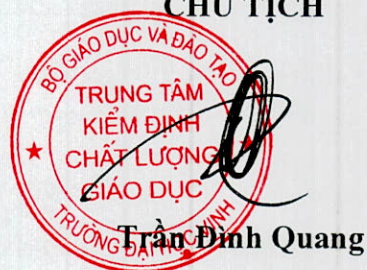
Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 44 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 88%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”. (chi tiết trong Phụ lục 1).

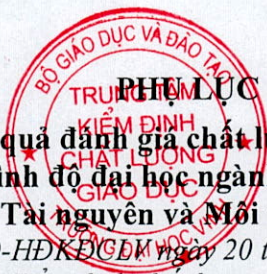
Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

2. Kiến nghị Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh theo quy định hiện hành. 

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD  
CHỦ TỊCH**





# PHỤ LỤC 1

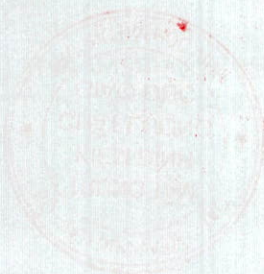
## Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

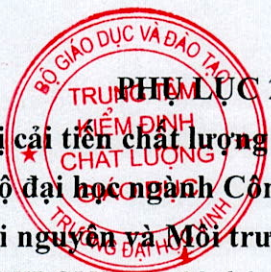
(Kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐQL ngày 20 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                          |                                 | Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                          |                                    |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|------------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí<br>đạt | Tỉ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí<br>đạt | Tỉ lệ<br>số tiêu<br>chí đạt<br>(%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                            | 4,00                        | 3                        | 100                             | <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                            | 4,00                        | 5                        | 100                                |
| Tiêu chí 1.1            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 7.1            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 1.2            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 7.2            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 1.3            | 4                          | Tiêu chí 7.3                | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                            | 4,00                        | 3                        | 100                             | Tiêu chí 7.4            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 2.1            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 7.5            | 4                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 2.2            | 4                          |                             |                          |                                 | <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                            |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 2.3            | 4                          | Tiêu chí 8.1                | 4                        | 4,00                            | 5                       | 100                        |                             |                          |                                    |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                            | Tiêu chí 8.2                | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 3.1            | 4                          | Tiêu chí 8.3                | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 3.2            | 3                          | Tiêu chí 8.4                | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 3.3            | 4                          | Tiêu chí 8.5                | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                            | 3,67                        | 2                        | 66,67                           | <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                            | 3,80                        | 3                        | 60,0                               |
| Tiêu chí 4.1            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 9.1            | 3                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 4.2            | 4                          |                             |                          |                                 | Tiêu chí 9.2            | 3                          |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 4.3            | 3                          | Tiêu chí 9.3                | 5                        | 4,17                            | 6                       | 100                        |                             |                          |                                    |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                            | Tiêu chí 9.4                | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 5.1            | 4                          | Tiêu chí 9.5                | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 5.2            | 4                          | <b>Tiêu chuẩn 10</b>        |                          |                                 |                         |                            | 3,80                        | 5                        | 100                                |
| Tiêu chí 5.3            | 3                          | Tiêu chí 10.1               | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 5.4            | 4                          | Tiêu chí 10.2               | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 5.5            | 4                          | Tiêu chí 10.3               | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                            | Tiêu chí 10.4               | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.1            | 5                          | Tiêu chí 10.5               | 5                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.2            | 4                          | Tiêu chí 10.6               | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.3            | 4                          | <b>Tiêu chuẩn 11</b>        |                          | 3,80                            | 5                       | 100                        |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.4            | 4                          | Tiêu chí 11.1               | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.5            | 4                          | Tiêu chí 11.2               | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.6            | 4                          | Tiêu chí 11.3               | 4                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
| Tiêu chí 6.7            | 5                          | Tiêu chí 11.4               | 3                        |                                 |                         |                            |                             |                          |                                    |
|                         |                            |                             |                          | Tiêu chí 11.5                   | 4                       |                            |                             |                          |                                    |
| Mức trung bình          |                            |                             |                          |                                 | Tổng số tiêu chí đạt    |                            | Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)   |                          |                                    |
| 3,96                    |                            |                             |                          |                                 | 44                      |                            | 88                          |                          |                                    |

UỘC VÀ  
UNG T  
IỂM Đ  
HẤT L  
GIÁO D  
CÔNG Đ

!!





## PHỤ LỤC 2

### **Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh**

(Kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐKĐCLV ngày 20 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường (gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2016-2021, đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá ngoài cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, cơ bản phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường; chuẩn đầu ra được rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo nhu cầu xã hội; bản mô tả CTĐT đầy đủ các nội dung theo quy định, được rà soát, điều chỉnh, cập nhật và công bố công khai; chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; các hoạt động dạy và học, các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, phù hợp; năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ của đội ngũ giảng viên và nhân viên được quản lý và đánh giá bằng các tiêu chí, chỉ số cụ thể; chính sách và tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công bố công khai; người học được tư vấn, hỗ trợ, được đảm bảo các điều kiện cơ bản cho học tập, thực hành, rèn luyện sức khỏe; các hoạt động ngoại khóa mang đặc trưng của ngành được chú trọng; phòng thí nghiệm, thực hành chuyên ngành được đầu tư, có trang thiết bị phù hợp, hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để cải tiến chất lượng CTĐT được triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, CTĐT vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

(i) Cần rà soát, điều chỉnh Mục tiêu giáo dục phù hợp hơn với Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; cần xác định cụ thể các mức năng lực của chuẩn đầu ra bám sát theo yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, phù hợp với đặc thù của Trường, của CTĐT và mục tiêu đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường đang hướng tới; cần tăng cường lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra của CTĐT;

(ii) Cần tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần; cần rà soát, điều chỉnh các khối kiến thức cơ sở ngành và ngành, chú ý cập nhật những tiến bộ công nghệ, kỹ thuật môi trường; cần bảo đảm tính chính xác,

ĐÀO TẠO  
ÂM  
NH  
ỢNG  
DỤC  
HỌC VI

tương thích sự đóng góp của mỗi học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT; cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và hệ thống đề cương chi tiết của các học phần tới các bên liên quan để dễ dàng nắm bắt, sử dụng;

(iii) Cần rà soát, điều chỉnh ma trận chuẩn đầu ra, làm rõ tính liên kết giữa các học phần bảo đảm đạt được các chuẩn đầu ra, cũng như sự phù hợp của các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá; cần bổ sung vào đề cương học phần các hình thức tự học, thảo luận nhóm cùng quy định về đánh giá các hoạt động này; cần tăng cường đối sánh, tham khảo CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường của các trường đại học uy tín trong nước, khu vực và quốc tế trong quá trình thực hiện, rà soát và điều chỉnh chương trình dạy học;

(iv) Cần tăng cường chuyển tải Triết lý giáo dục của Nhà trường vào các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; cần đa dạng các hình thức tổ chức dạy và học, chú trọng đổi mới và ứng dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, tăng cường hoạt động thực tế, trải nghiệm nghề nghiệp của sinh viên; các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá cần phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, hướng tới rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời;

(v) Cần rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về công tác thi, kiểm tra đánh giá, quy trình phản hồi thông tin về kết quả học tập đảm bảo tính cập nhật đồng thời hỗ trợ người học điều chỉnh phương pháp học tập phù hợp hơn; cần định kỳ rà soát, điều chỉnh ngân hàng câu hỏi thi của các học phần của CTĐT; cần nghiên cứu thiết kế và thực hiện các hình thức/phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo đo lường được các kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm của người học; cần đánh giá tính hiệu quả của việc thực hiện quy định về kiểm tra, đánh giá bảo đảm đánh giá được mức độ đạt được các chuẩn đầu ra; cần nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong quản lý, tổ chức thực hiện, giám sát công tác kiểm tra, đánh giá và phản hồi của người học;

(vi) Cần xây dựng kế hoạch dài hạn và giải pháp khả thi để phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao cho CTĐT; cần hoàn thiện hệ thống văn bản về khảo sát, đánh giá năng lực, xác định nhu cầu đào tạo, cũng như giám sát, đánh giá kết quả bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, giảng viên; cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung Đề án vị trí việc làm và bộ công cụ đánh giá năng lực thực thi công việc; cần có các chính sách khuyến khích cho cán bộ, giảng viên gia tăng loại hình, số lượng và chất lượng nghiên cứu, đồng thời gia tăng đầu tư cho nghiên cứu khoa học; cần định kỳ phân tích, đánh giá đối sánh các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của cán bộ giảng viên để liên tục nâng cao chất lượng;

(vii) Cần rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về việc theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, có tính đến sự hài lòng của các bên liên quan; cần lượng hóa hiệu quả công việc, đảm bảo phân công khối lượng công việc

phù hợp cho từng nhân viên hỗ trợ; cần phân tích, đánh giá hiệu quả của công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng chiến lược, chính sách phát triển bền vững đội ngũ nhân viên; cần định kỳ rà soát, điều chỉnh kịp thời điều chỉnh các cơ chế chính sách phù hợp hơn với tình hình thực tế của Nhà trường;

(viii) Cần chú trọng hơn nữa công tác truyền thông, quảng bá về nhà trường, về ngành học để hỗ trợ công tác tuyển sinh; cần tăng cường khảo sát nhu cầu của xã hội, phân tích, đánh giá xu hướng chất lượng đầu vào của người học để nâng cao chất lượng tuyển sinh; cần chú trọng đánh giá khối lượng và hiệu quả của các bộ phận/cá nhân trong công tác giám sát và hỗ trợ người học để kịp thời điều chỉnh phù hợp; cần tổ chức thường xuyên các hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp, ... để giúp sinh viên nắm bắt được yêu cầu thực tiễn, sớm tiếp cận với nghề nghiệp tương lai và định hướng việc làm;

(ix) Cần có kế hoạch cải tiến hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; cần sớm chuẩn hoá thư viện, chú trọng xây dựng thư viện điện tử, mở rộng kết nối kết nối với các nguồn tài liệu mở cũng như mạng lưới thư viện các trường đại học trong và ngoài nước; cần có kế hoạch đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin theo định hướng chuyển đổi số; cần tăng cường ứng dụng các phần mềm quản lý, phần mềm chuyên ngành để hỗ trợ tốt hơn cho công tác quản lý, tổ chức thực hiện và giám sát các hoạt động của Nhà trường;

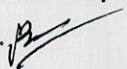
(x) Cần rà soát, hoàn thiện các văn bản quy định, quy trình, biểu mẫu, chỉ số thực hiện của hệ thống thu thập thông tin từ các bên liên quan; cần tăng cường khảo sát ý kiến của đầy đủ các bên liên quan để có căn cứ xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động phù hợp, khả thi; cần sử dụng hiệu quả phản hồi của các bên liên quan để cập nhật, đổi mới nội dung chương trình, bài giảng, phương pháp giảng dạy và hỗ trợ người học;

(xi) Cần định kỳ phân tích đầy đủ nguyên nhân sinh viên thôi học, bỏ học, tốt nghiệp không đúng hạn của CTĐT và đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước; cần quan tâm hơn đến các giải pháp tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn và có việc làm đúng ngành đào tạo; cần tăng cường đầu tư cho sinh viên nghiên cứu khoa học đúng quy định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ; thường xuyên khảo sát nhu cầu thị trường và việc làm của sinh viên; cần chú trọng các chỉ số về kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học tốt nghiệp bám sát chuẩn đầu ra của CTĐT khi thực hiện khảo sát các bên liên quan.

\* \* \*

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 09/2024), Nhà trường cần có

báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh. 

-----